

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2019 ĐẾN NGÀY 31/03/2019**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 34

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT**

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hải Đoàn	Chủ tịch
Ông Võ Văn Mai	Thành viên
Ông David Đỗ	Thành viên
Ông Vladislavs Savkins	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Châu	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên
Bà Vũ Thị Việt Hà	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Lê Hải Đoàn	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 09/05/2019
Ông Võ Văn Mai	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/05/2019
Ông Đặng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Thanh Phúc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trần Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trần Hiền	Kế toán trưởng	

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT**

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng có hiệu lực từ ngày 01/08/2017 và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lê Hải Đoàn**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2019

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 03/6/2019, từ trang 05 đến trang 34 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/03/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 31/03/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Tự Trung**  
Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226-2018-112-1  
Thay mặt và đại diện cho

**Nguyễn Thị Thu Hà**  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2277-2018-112-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31/03/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>446.499.572.018</b>	<b>536.358.777.227</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	115.081.321.406	99.367.830.421
Tiền	111		33.543.882.990	34.829.170.421
Các khoản tương đương tiền	112		81.537.438.416	64.538.660.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>208.660.000</b>	<b>107.035.157</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		208.660.000	107.035.157
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>187.769.075.179</b>	<b>306.965.050.490</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	92.720.480.649	202.026.480.885
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	12.337.675.879	12.749.585.107
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng dịch vụ	134	6	41.699.807.110	42.402.839.818
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	45.341.273.607	54.536.306.746
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	7	(4.330.162.066)	(4.750.162.066)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>68.828.076.645</b>	<b>56.069.257.556</b>
Hàng tồn kho	141		69.886.858.330	57.128.039.241
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.058.781.685)	(1.058.781.685)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>74.612.438.788</b>	<b>73.849.603.603</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	152	16	2.042.119.306	709.367.382
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	570.319.482	1.140.236.221
Tài sản ngắn hạn khác	155	10	72.000.000.000	72.000.000.000
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>50.871.848.083</b>	<b>49.884.537.374</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>246.848.606</b>	<b>176.400.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	8	246.848.606	176.400.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.878.120.818</b>	<b>15.364.504.457</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	13.170.621.909	13.613.176.121
- Nguyên giá	222		46.876.134.229	46.876.134.229
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.705.512.320)	(33.262.958.108)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.707.498.909	1.751.328.336
- Nguyên giá	228		6.912.392.093	6.912.392.093
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.204.893.184)	(5.161.063.757)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>15.680.620.000</b>	<b>15.680.620.000</b>
- Nguyên giá	231		15.680.620.000	15.680.620.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>81.100.000</b>	<b>81.100.000</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	81.100.000	81.100.000
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>19.249.487.418</b>	<b>17.886.079.509</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		16.143.954.346	15.780.546.437
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		8.264.044.944	7.264.044.944
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	254		(5.158.511.872)	(5.158.511.872)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>735.671.241</b>	<b>695.833.408</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		735.671.241	695.833.408
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>497.371.420.101</b>	<b>586.243.314.601</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>170.555.722.997</b>	<b>260.549.045.740</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>168.529.066.467</b>	<b>257.912.185.894</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	44.982.630.229	118.319.807.599
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		37.040.236.722	33.188.304.065
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	195.951.804	3.207.085.602
Phải trả người lao động	314		1.343.401.039	14.208.768.437
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		203.162.496	4.026.793.496
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.640.631.780	1.237.441.780
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	82.123.052.397	79.937.196.603
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	-	3.786.788.312
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.026.656.530</b>	<b>2.636.859.846</b>
Phải trả dài hạn khác	337	17	983.629.820	920.016.820
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	-	1.776.577
Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.043.026.710	1.715.066.449
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>326.815.697.104</b>	<b>325.694.268.861</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>326.815.697.104</b>	<b>325.694.268.861</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.590.300.000	225.590.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		116.974.517.100	116.974.517.100
Cổ phiếu quỹ	415		(38.762.556.372)	(38.762.556.372)
Quỹ đầu tư phát triển	418		19.628.990.984	19.628.990.984
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.384.445.392	2.263.017.149
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.263.017.149	729.296.215
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.121.428.243	1.533.720.934
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>497.371.420.101</b>	<b>586.243.314.601</b>

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2019

Người lập



Nguyễn Hải Yên

Kế toán trưởng



Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc



Lê Hải Đoàn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 31/03/2019	đến 31/03/2018
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	63.917.191.779	264.974.326.572
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>63.917.191.779</b>	<b>264.974.326.572</b>
Giá vốn hàng bán	11	23	52.047.124.642	254.361.958.172
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>11.870.067.137</b>	<b>10.612.368.400</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	745.370.322	363.215.743
Chi phí tài chính	22	25	86.296.083	1.001.055.890
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.228.548	999.960.713
Lãi/(Lỗ) trong công ty liên doanh liên kết	24		363.407.909	-
Chi phí bán hàng	25	26	8.317.963.191	7.740.904.791
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	4.421.280.355	5.748.964.135
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>153.305.739</b>	<b>(3.515.340.673)</b>
Thu nhập khác	31	28	1.241.562.802	176.690.594
Chi phí khác	32	29	36.000.000	663.697
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.205.562.802</b>	<b>176.026.897</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.358.868.541</b>	<b>(3.339.313.776)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	239.216.875	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	(1.776.577)	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1.121.428.243</b>	<b>(3.339.313.776)</b>
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		1.121.428.243	(3.339.313.776)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>32</b>	<b>54</b>	<b>(170)</b>

Người lập



Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng



Nguyễn Trần Hiền

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2019

Tổng Giám đốc



Lê Hải Đoàn



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 31/03/2019 VND	đến 31/03/2018 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.358.868.541</b>	<b>(3.339.313.776)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ	02		482.234.213	493.101.214
Các khoản dự phòng	03		(1.092.039.740)	-
Lãi lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		10.682.511	(389.880.810)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(366.900.889)	(333.197.387)
Chi phí lãi vay	06		19.228.548	999.960.684
Lãi/Lỗ thuần từ đầu tư vào Công ty liên kết	07		(363.407.909)	-
Các điều chỉnh khác	07		-	8.500.176
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>48.665.275</b>	<b>(2.560.829.899)</b>
Tăng/giảm các khoản phải thu	09		118.782.691.520	52.401.287.132
Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(12.758.819.089)	(14.512.868.537)
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải	11		(84.048.714.363)	(12.343.634.179)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		(39.837.833)	50.973.008
Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	13			
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.228.548)	(999.960.684)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.750.000.000)	(1.257.186.350)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>20.214.756.962</b>	<b>20.777.780.491</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(138.660.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		37.035.157	496.269.872
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.000.000.000)	
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		366.900.889	333.197.387
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(734.723.954)</b>	<b>829.467.259</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 31/03/2019	đến 31/03/2018
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		-	34.779.775.641
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.786.788.312)	(86.594.532.828)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.786.788.312)</b>	<b>(51.814.757.187)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>15.693.244.696</b>	<b>(30.207.509.437)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>99.367.830.421</b>	<b>115.385.536.635</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		20.246.289	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>115.081.321.406</b>	<b>85.178.027.198</b>

Người lập

Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Hiền

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2019

Tổng Giám đốc



Lê Hải Đoàn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT, tên viết tắt là HIPT GROUP.,JSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100364579 đăng ký lần đầu ngày 29/02/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 14/05/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 152 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 225.590.300.000 đồng chia thành 22.559.030 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Ngày 24/06/2009, Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT đã niêm yết trên UPCoM với mã chứng khoán HIG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2019 là 169 người (tại ngày 31/12/2018 là 101 người).

**1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin ("CNTT") như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

**1.3. CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

**1.4. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực tế
<b>Công ty con</b>			
<b>Cấp 1</b>			
- Công ty TNHH Dịch vụ đầu tư HIPT (HIPT Invest)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
- Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software) (1)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
- Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT (HISC)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
- Công ty CP Phát triển Nguồn nhân lực Chân trời mới Hà Nội (2)	Hà Nội, Việt Nam	66,5%	66,5%
- Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (HISN)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
<b>Cấp 2</b>			
- Công ty CP Năng lượng Công nghệ cao (Hi-Power Tech) (3)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%

(1) *Đổi tên từ Công ty Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT (HIBF);*

(2) *Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng MST;*

(3) *Công ty con của HIPT Invest, đã ngừng hoạt động và đã đóng MST.*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)**

**1.4. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực tế
<b>Công ty liên kết</b>			
- Công ty CP Đội Công nghệ 3D Hà Nội	Hà Nội, Việt Nam	25%	71,43%
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt Nam	Hà Nội, Việt Nam	35%	93,44%
- Công ty CP Công nghệ Thông tin Lam Hồng	Hà Tĩnh, Việt Nam	22,32%	22,32%
- Công ty TNHH Giải pháp HIMC (4)	Hà Nội, Việt Nam	32%	32%
- Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	Hà Nội, Việt Nam	20,68%	20,68%
<b>Công ty liên doanh</b>			
- Thời báo Doanh nhân	Hà Nội, Việt Nam	50%	64,27%

(4) Đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế.

**1.5. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán và số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 do Công ty tự lập và không phát hành Báo cáo kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018..

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1. NĂM TÀI CHÍNH**

Ngày 29/10/2018, Công ty đã có Giấy xác nhận của Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội về việc chuyển đổi năm tài chính từ ngày 01/04 đến ngày 31/03 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn bắt đầu từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019.

**2.2. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**2.3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty do Công ty kiểm soát (Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Các giao dịch và số dư giữa công ty mẹ và công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**2.3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT, THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như ít rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thanh phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung phân bổ.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### **3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các khoản chi phí trả trước bao gồm các công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 15 đến 36 tháng.

#### **3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

#### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

##### 3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải	05
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

##### 3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

###### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

###### **Phần mềm máy vi tính**

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 8 năm.

##### 3.9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

###### **Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

***Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh***

- Công ty liên doanh: là Công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của Công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh;
- Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác).
- Khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư khác được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của các đơn vị nhận đầu tư và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

**3.11 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

***Chi phí bảo hành***

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**3.13 DOANH THU, THU NHẬP KHÁC**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp các giao dịch về cung cấp dịch vụ lên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm ứng dụng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định dựa trên khối lượng công việc thực hiện bao gồm tiến độ thực tế, thời gian làm việc hay tỷ lệ chi phí đã phát sinh trên tổng chi phí ước tính. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ bảo hành thiết bị công nghệ thông tin và bảo trì hệ thống được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn cung cấp dịch vụ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13 DOANH THU, THU NHẬP KHÁC (TIẾP)**

***Doanh thu cho thuê tài sản***

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

***Thu nhập đầu tư***

Thu nhập từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

***Thanh lý nhượng bán tài sản cố định.***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý, nhượng bán.

**3.14 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm.

**3.15 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm.

**3.16 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong kỳ.

Cuối kỳ, Công ty đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ ra "đồng Việt Nam". Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào chi phí hoặc thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ không liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào thu nhập khác hoặc chi phí tài chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.17 THUẾ**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ. Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Việc xác định thuế TNDN của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.18 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.19 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ hợp nhất lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp cá sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin tại một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

**3.20 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm các công ty liên doanh, liên kết, Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	630.685.397	407.883.868
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.913.197.593	34.421.286.553
Các khoản tương đương tiền (*)	81.537.438.416	64.538.660.000
	<b>115.081.321.406</b>	<b>99.367.830.421</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

**5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ SAVIS Việt Nam	-	4.877.400.000
Công ty CP Thương mại kỹ thuật HDL	1.214.172.190	-
Công ty TNHH Thương Mại và Công Nghệ Tân Thành An	3.815.468.086	3.815.468.086
Công ty TNHH ZICO Việt Nam	3.675.400.000	-
Đối tượng khác	3.632.635.603	4.056.717.021
	<b>12.337.675.879</b>	<b>12.749.585.107</b>

**6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ**

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Cục công nghệ tin học	1.932.647.877	2.935.652.877
Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng	39.467.186.941	39.467.186.941
Phải thu theo tiến độ hợp đồng khác	299.972.292	-
	<b>41.699.807.110</b>	<b>42.402.839.818</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>92.720.480.649</b>	<b>(4.330.162.066)</b>	<b>202.026.480.885</b>	<b>(4.750.162.066)</b>
- Công Ty Cổ phần Điện ảnh Truyền Hình (Vinematim)	44.835.312.900	-	49.067.499.300	-
- Công ty CP công nghệ Bằng Hữu (AMIGO)	-	-	28.398.702.112	-
- Trung tâm Công nghệ thông tin - Ngân hàng chính sách xã hội	-	-	29.800.136.000	-
- Công ty TNHH Hệ Thống thông tin FPT	-	-	12.100.000.000	-
- Công ty CP Viễn Thông - Tin học Bưu Điện (CT-IN)	-	-	-	-
- Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam	686.400.000	-	686.400.000	-
- Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn FLC	11.866.786.667	(3.568.841.594)	13.266.786.667	(3.988.841.594)
- Các khách hàng khác	35.331.981.082	(761.320.472)	68.706.956.806	(761.320.472)
<b>Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>92.720.480.649</b>	<b>(4.330.162.066)</b>	<b>202.026.480.885</b>	<b>(4.750.162.066)</b>
<b>Trong đó, Phải thu từ các bên liên quan</b>	<b>1.598.774.085</b>	<b>(740.774.085)</b>	<b>2.555.029.085</b>	<b>(740.774.085)</b>
- Công ty CP Đội Công nghệ 3D Hà Nội	663.440.565	(663.440.565)	663.440.565	(663.440.565)
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt Nam	77.333.520	(77.333.520)	77.333.520	(77.333.520)
- Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	858.000.000	-	1.814.255.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***8. PHẢI THU KHÁC**

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>45.341.273.607</b>		<b>54.536.306.746</b>	-
- Tạm ứng	26.451.751.209		36.158.185.366	-
- Ký cược, ký quỹ	1.764.346.755	-	1.540.993.138	-
- Phải thu các cá nhân tiền thuê đất, tiền chuyển nhượng BĐS	15.211.585.680	-	15.211.585.680	-
- Phải thu khác	1.913.589.963	-	1.625.542.562	-
<b>Dài hạn</b>	<b>246.848.606</b>	-	<b>176.400.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	223.900.000	-	176.400.000	-
- Phải thu khác	22.948.606	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>45.341.273.607</b>	-	<b>54.536.306.746</b>	-
<b>Trong đó, Phải thu từ các bên liên quan</b>	<b>7.364.248.307</b>	-	<b>9.664.248.307</b>	-
- Tạm ứng cho các cá nhân trong HĐQT, BTGD và Kế toán trưởng	7.364.248.307	-	9.664.248.307	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	45.554.568.066	-	41.953.641.601	-
Hàng hóa	24.258.946.460	(1.058.781.685)	12.509.863.785	(1.058.781.685)
Hàng gửi bán	73.343.804	-	73.343.804	-
	<b>69.886.858.330</b>	<b>(1.058.781.685)</b>	<b>57.128.039.241</b>	<b>(1.058.781.685)</b>

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

Tài sản ngắn hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt ("Ngân hàng Bảo Việt").

Tháng 01 năm 2011, Công ty đã ký kết thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND/một cổ phiếu. Theo đó, ngày 17/01/2011, Công ty nhận được khoản thanh toán trị giá 72 tỷ VND. Theo thỏa thuận, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11/12/2013 và trong thời gian chờ chuyển nhượng, toàn bộ lợi ích liên quan đến khoản đầu tư này thuộc về bên thứ ba nói trên. Tuy nhiên, đến ngày 31/03/2019, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Do vậy, Công ty vẫn hạch toán giá gốc của khoản đầu tư vào khoản mục "Tài sản ngắn hạn khác" với số tiền 72 tỷ VND và ghi nhận tương ứng số tiền nhận được từ bên thứ ba vào khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác" (được trình bày tại Thuyết minh số 17).

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2019	18.748.120.749	7.393.600.813	848.270.909	19.886.141.758	46.876.134.229
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
31/03/2019	<b>18.748.120.749</b>	<b>7.393.600.813</b>	<b>848.270.909</b>	<b>19.886.141.758</b>	<b>46.876.134.229</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2019	8.703.639.925	4.466.415.522	353.366.364	19.739.536.297	33.262.958.108
- Khấu hao trong kỳ	207.528.336	155.603.400	26.508.465	48.764.585	438.404.786
- Tăng khác				4.149.426	4.149.426
31/03/2019	<b>8.911.168.261</b>	<b>4.622.018.922</b>	<b>379.874.829</b>	<b>19.792.450.308</b>	<b>33.705.512.320</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2019	<b>10.044.480.824</b>	<b>2.927.185.291</b>	<b>494.904.545</b>	<b>146.605.461</b>	<b>13.613.176.121</b>
31/03/2019	<b>9.836.952.488</b>	<b>2.771.581.891</b>	<b>468.396.080</b>	<b>93.691.450</b>	<b>13.170.621.909</b>

Tại ngày 31/03/2019, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 21.223.636.735 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2019	3.926.442.619	2.985.949.474	6.912.392.093
31/03/2019	<u>3.926.442.619</u>	<u>2.985.949.474</u>	<u>6.912.392.093</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2019	2.198.807.871	2.962.255.886	5.161.063.757
- Khấu hao trong kỳ	39.264.426	4.565.001	43.829.427
31/03/2019	<u>2.238.072.297</u>	<u>2.966.820.887</u>	<u>5.204.893.184</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2019	<u>1.727.634.748</u>	<u>23.693.588</u>	<u>1.751.328.336</u>
31/03/2019	<u>1.688.370.322</u>	<u>19.128.587</u>	<u>1.707.498.909</u>

Tại ngày 31/03/2019, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.916.192.284 đồng.

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Số đầu năm <u>VND</u>	Tăng trong kỳ <u>VND</u>	Giảm trong kỳ <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá</b>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
- Quyền sử dụng đất	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000
- Quyền sử dụng đất	15.680.620.000	-	-	15.680.620.000





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Số đầu năm	(5.158.511.872)	(4.198.464.529)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	<u>(5.158.511.872)</u>	<u>(4.198.464.529)</u>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- FLEXTRON PTE.LTD	-	-	47.750.228.680	47.750.228.680
- Công ty TNHH công nghệ và đầu tư An Phát	-	-	9.405.000.000	9.405.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Tích hợp hệ thống 3C	562.298.544	562.298.544	8.284.740.744	8.284.740.744
- Vizrt (Thailand),.ltd	6.567.427.500	6.567.427.500	6.564.602.800	6.564.602.800
- Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ SAVIS Việt Nam	1.220.400.000	1.220.400.000	2.519.200.000	2.519.200.000
- Công ty cổ phần phân phối Việt Nét	6.420.550.820	6.420.550.820	43.053.100	43.053.100
- Công ty cổ phần công nghệ Elite	9.220.961.400	9.220.961.400	2.262.684.970	2.262.684.970
- Công ty CP Đầu tư Thương mại và Phát Triển Công nghệ Việt	4.821.182.024	4.821.182.024	3.324.187.783	3.324.187.783
- Đối tượng khác	16.169.809.941	16.169.809.941	38.166.109.522	38.166.109.522
	<u>44.982.630.229</u>	<u>44.982.630.229</u>	<u>118.319.807.599</u>	<u>118.319.807.599</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019	Số được khấu trừ trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	31/03/2019
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ</b>	<b>709.367.382</b>	<b>1.811.865.978</b>	<b>479.114.054</b>	<b>2.042.119.306</b>
	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/03/2019
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>3.207.085.602</b>	<b>6.402.916.650</b>	<b>9.414.050.448</b>	<b>195.951.804</b>
- Thuế giá trị gia tăng	1.048.031.687	2.099.255.224	3.147.286.911	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	22.675	-	-	22.675
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.561.483.871	224.660.305	1.750.000.000	36.144.176
- Thuế thu nhập cá nhân	73.065.082	3.808.468.749	3.742.208.878	139.324.953
- Các loại thuế khác	524.482.287	270.532.372	774.554.659	20.460.000
	01/01/2019	Số phải thu/được khấu trừ trong năm	Số đã thực thu/ khấu trừ trong năm	31/03/2019
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>	<b>1.140.236.221</b>	<b>-</b>	<b>569.916.749</b>	<b>570.319.482</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	584.881.399	-	14.561.917	570.319.482
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	555.354.822	-	555.354.822	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>31/03/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>82.123.052.397</b>	<b>79.937.196.603</b>
- Tạm ứng từ các cá nhân	4.504.013.001	2.161.424.290
- Tạm ứng liên quan đến việc mua cổ phần tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Thuyết minh số 10)	72.000.000.000	72.000.000.000
- Khoản phải nộp Nhà nước liên quan đến việc hủy bỏ Đề án 112	2.656.280.900	2.656.280.900
- Phải trả cổ tức	327.829.575	327.829.575
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.634.928.921	2.791.661.838
<b>Dài hạn</b>	<b>983.629.820</b>	<b>920.016.820</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	483.629.820	420.016.820
- Các cá nhân ủy thác đầu tư	500.000.000	500.000.000
	<b>83.106.682.217</b>	<b>80.857.213.423</b>

**18. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**

	<b>31/03/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thuế suất</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả</b>	<b>-</b>	<b>1.776.577</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến chênh lệch tỷ giá	-	1.776.577

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2019		Trong kỳ		31/03/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>3.786.788.312</b>	<b>3.786.788.312</b>	<b>2.875.888</b>	<b>3.789.664.200</b>	-	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	3.786.788.312	3.786.788.312	2.875.888	3.789.664.200	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.786.788.312</b>	<b>3.786.788.312</b>	<b>2.875.888</b>	<b>3.789.664.200</b>	-	-

- (\*) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/495 ngày 30/06/2017 giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN (BIDV) - CN Đông Đô và Công ty CP Tập đoàn HIPT với mục đích: bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, mở thư tín dụng (L/C) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hạn mức vay tối đa của vốn lưu động là 150 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh tối đa là 150 tỷ đồng. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Biện pháp bảo đảm: thế chấp tài sản trên đất trụ sở Công ty tại 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU****20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	225.590.300.000	136.237.470.000	(60.144.990.832)	19.628.990.984	10.556.889.715	(275.850.104)	331.868.659.867
- Lãi trong năm	-	-	-	-	1.533.720.934	-	1.533.720.934
- Phát hành cổ phiếu quỹ để thưởng cho cán bộ công nhân viên (*)	-	(19.262.952.900)	19.262.952.900	-	-	-	-
- Trả cổ tức năm 2017 (**)	-	-	-	-	(9.827.593.500)	-	(9.827.593.500)
- Thanh lý Công ty con	-	-	-	-	-	275.850.104	275.850.104
- Bán cổ phiếu quỹ của Invest	-	-	2.119.481.560	-	-	-	2.119.481.560
<b>31/12/2018</b>	<b>225.590.300.000</b>	<b>116.974.517.100</b>	<b>(38.762.556.372)</b>	<b>19.628.990.984</b>	<b>2.263.017.149</b>	<b>-</b>	<b>325.694.268.861</b>
01/01/2019	225.590.300.000	116.974.517.100	(38.762.556.372)	19.628.990.984	2.263.017.149	-	325.694.268.861
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	1.121.428.243	-	1.121.428.243
<b>31/03/2019</b>	<b>225.590.300.000</b>	<b>116.974.517.100</b>	<b>(38.762.556.372)</b>	<b>19.628.990.984</b>	<b>3.384.445.392</b>	<b>-</b>	<b>326.815.697.104</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01-18/ĐHĐCĐ/HIPT ngày 24/9/2018, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 13-18/NQ/HĐQT/HIPT về việc bán cổ phiếu quỹ để thưởng cho cán bộ nhân viên của Công ty. Theo đó, số lượng cổ phiếu quỹ thực hiện bán để thưởng cho nhân viên là 964.000 cổ phần.

(\*\*) Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 theo tỷ lệ 5%/cổ phần theo Nghị quyết số 01-18/NQ/ĐHĐCĐ của Đại hội Đồng cổ đông Công ty ngày 18/04/2018.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	225.590.300.000	225.590.300.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**20.3 CỔ PHIẾU**

	31/03/2019	01/01/2019
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.559.030	22.559.030
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.559.030	22.559.030
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	22.559.030	22.559.030
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.939.843	1.939.843
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.939.843	1.939.843
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.619.187	20.619.187
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.619.187	20.619.187
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	31/03/2019	01/01/2019
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
- Ngoại tệ USD	23.034,28	26.412,24
- Ngoại tệ EUR	649,29	649,29

**Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
Phải thu Công ty Cho thuê tài chính BIDV	Không còn giao dịch	2015	221.726.000	221.726.000
Phải thu ông Trần Phúc Toàn	Không còn giao dịch	2015	148.500.000	148.500.000
Phải thu Văn phòng Nokia tại Hà Nội	Không còn giao dịch	2015	87.708.660	87.708.660
Công ty TNHH HIPT Mobile	Không còn giao dịch	2015	20.991.178.683	20.991.178.683
Phải thu các khách hàng khác	Không còn giao dịch	2016	1.310.284.298	1.310.284.298
			<b>22.759.397.641</b>	<b>22.759.397.641</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>63.917.191.779</b>	<b>264.974.326.572</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	44.475.824.397	18.454.937.700
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.929.878.476	21.501.578.319
- Doanh thu cho thuê	511.488.906	957.250.753
- Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư	-	224.060.559.800
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Giảm giá hàng bán	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>63.917.191.779</b>	<b>264.974.326.572</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
- Giá vốn hàng hóa	36.125.766.350	13.145.331.681
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	15.921.358.292	17.156.066.691
- Giá vốn bất động sản đầu tư	-	224.060.559.800
	<b>52.047.124.642</b>	<b>254.361.958.172</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	366.900.889	333.197.387
- Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	378.469.433	30.018.356
	<b>745.370.322</b>	<b>363.215.743</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
- Lãi tiền vay	19.228.548	999.960.713
- Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	56.385.024	1.095.177
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ	10.682.511	-
	<b>86.296.083</b>	<b>1.001.055.890</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND</b>
- Chi phí nhân viên bán hàng	5.359.041.418	4.653.522.981
- Chi phí dự phòng bảo hành	24.883.442	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.475.003	41.814.786
- Chi phí khác	2.916.563.328	3.045.567.024
	<b>8.317.963.191</b>	<b>7.740.904.791</b>

**27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.726.269.045	3.062.416.618
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi FLC	(420.000.000)	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	464.759.210	462.024.817
- Chi phí khác	2.650.252.100	2.224.522.700
	<b>4.421.280.355</b>	<b>5.748.964.135</b>

**28. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND</b>
- Được thưởng, được bồi thường	1.224.778.594	170.960.000
- Thu từ thanh lý hàng hóa	15.467.540	2.818.184
- Thu nhập khác	1.316.668	2.912.410
	<b>1.241.562.802</b>	<b>176.690.594</b>

**29. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND</b>
- Chi phí phạt do vi phạm hợp đồng	36.000.000	590.755
- Chi phí khác	-	72.942
	<b>36.000.000</b>	<b>663.697</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.358.868.541	(3.339.313.776)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	271.773.708	(667.862.755)
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	(208.092.337)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	174.539.097	326.918.175
Thu nhập không bị tính thuế	-	-
Sử dụng các khoản lỗ tính thuế	996.407	194.475.542
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.776.577)	-
	<b>237.440.298</b>	<b>-</b>

**31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Chi phí nhân công	9.503.450.987	9.976.964.682
Chi phí mua hàng hóa để bán lại và cung cấp dịch vụ	36.910.204.572	20.035.820.635
Chi phí khấu hao tài sản cố định	482.234.213	503.839.603
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.299.866.371	14.588.254.993
Chi phí khác	4.970.965.385	6.915.647.349
	<b>69.166.721.528</b>	<b>52.020.527.262</b>

**32. LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (VND)	1.121.428.243	(3.339.313.776)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.121.428.243	(3.339.313.776)
Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm (CP)	20.619.187	19.655.187
Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	<b>54</b>	<b>(170)</b>

**33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018 VND
Thu nhập của HĐQT, BTGD, KTT, BKS	812.563.750	791.682.818

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Số dư với các bên liên quan**

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 7 "Phải thu khách hàng"
- Thuyết minh số 8 "Phải thu khác"
- Thuyết minh số 14 "Đầu tư tài chính"

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/03/2019 là số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 là số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 do Công ty tự lập và không phát hành Báo cáo kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018.

**Người lập**



**Nguyễn Hải Yến**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Trần Hiền**

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2019

**Tổng Giám đốc**



**Lê Hải Đoàn**